

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2020/HSST**  
Ngày 22/9/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Mạc Văn Tuyền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Nguyễn Văn Sơn - Cán bộ Thanh tra huyện Hàm Yên;

2 - Bà Dương Thị Ninh- Cán bộ hưu trí.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên toà:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2020/HSST, ngày 28 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **BÀN VĂN N** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/8/1988, tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Thôn 1 C, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Dao; giới tính: L; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Bàn Văn M, sinh năm 1962 và con bà: Đặng Thị Á, sinh năm 1966. Vợ: Đặng Thị L, sinh năm 1988. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt*).

2. **ĐẶNG VĂN H** (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 21/6/1986 tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.;

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Thôn 1 C, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: L; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đặng Văn D, sinh năm 1963 và con bà: Trương Thị Th, sinh năm 1965. Vợ: Đặng Thị Mượng, sinh năm 1988. Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005; con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

3. **ĐẶNG THỊ L** (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 13/7/1988, tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Thôn 1 C, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đặng Văn Ch, sinh năm 1963 và con bà: Bàn Thị T (đã chết). Chồng: Bàn Văn N, sinh năm 1988. Con. Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Hoàng Văn Vũ - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, (Có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã Y - Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh T - chức vụ: Chủ tịch UBND xã Y, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NHẬN THẤY:**

Các bị cáo Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bàn Văn N, sinh năm 1988, trú tại thôn 1 C, xã L, huyện Y, trong quá trình đi làm việc, L phát hiện tại lô 01, 02 và 03, khoảnh 266B, chức năng rừng sản xuất, thuộc địa phận thôn 1 C, xã L, huyện Y; Trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đá, lá rậm, thường xanh nghèo (TXN) (theo bản đồ quy hoạch phân ba loại rừng ban hành theo Quyết định số 1859-QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang), thuộc quyền quản lý của UBND xã Y, huyện Y có thể trồng cây nên N nảy sinh ý định chặt, phá khu rừng trên để lấy đất trồng cây Keo phát triển kinh tế gia đình. Ngày 02/01/2020, N rủ Đặng Văn H, sinh năm 1986, trú cùng thôn với N đi kiểm tra thực địa diện tích rừng trên. Sau khi cùng đi xem rừng về, N và H bàn bạc và thống nhất: cùng nhau chặt, phá, phá khu rừng tại lô khoảnh trên để lấy đất trồng cây keo, cùng góp tiền chung để mua cây keo giống, cùng nhau chăm sóc, bảo vệ, đến khi Keo được khai thác sẽ chia đôi mỗi người được hưởng một nửa khối lượng như nhau, sau đó N có bàn bạc với vợ là Đặng Thị L, sinh năm 1988, về việc phá khu rừng trên để lấy đất trồng cây Keo, L đồng ý.

Ngày 08/01/2020 (một tuần sau), Bàn Văn N điều khiển xe mô tô BKS 22B1-335.21 (xe mượn của ông Đặng Văn S) chở vợ là Bàn Thị L, mang theo 04 con dao (02 con dao Tư, 02 con dao Quắm); Đặng Văn H, điều khiển xe mô tô BKS 22B1-335.74 (xe mượn của ông Đặng Văn D) mang theo 01 con dao Tư đến khu rừng trên: N, H và L cùng nhau dùng dao phá, chặt hạ cây tại khu vực rừng trên liên tục trong hai ngày. Đến ngày thứ ba L không tham gia phá rừng, còn H và N tiếp tục chặt, phá khu rừng trên thêm ba ngày nữa thì dừng lại và chờ để các cây cối đã phá khô để đốt, dọn lấy đất trồng Keo. Đến ngày 05/5/2020, khi N đến khu rừng đã chặt phá trên để đốt, dọn thì bị tổ công tác Hạt Kiểm lâm Y phát hiện.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 08 giờ 30 phút ngày 08/5/2020 thể hiện, diện tích rừng bị hủy hoại thuộc lô 01, 02, 03, khoảnh 266B, chức năng rừng sản xuất, thuộc địa phận thôn 1 C, xã L, huyện Y; Trạng thái rừng gỗ tự nhiên

núi đá, lá rậm, thường xanh nghèo theo bản đồ quy hoạch phân ba loại rừng theo Quyết định số 1859-QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang; Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 12.300 m<sup>2</sup>.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Y, kết luận: Tổng trị giá lâm sản bị thiệt hại là 37.960.000 đồng.

Cáo trạng số 55/QĐ-KSĐT, ngày 28/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L về tội “*Hủy hoại rừng*” theo khoản 2 Điều 243 - Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phân xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17; 54; 58 và 65 - Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Bàn Văn N từ 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 02 (*hai*) năm 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H từ 02 (*hai*) năm 03 (*ba*) tháng đến 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 05 (*năm*) năm.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị L từ 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 02 (*hai*) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 (*ba*) năm đến 04 (*bốn*) năm.

- *Về vật chứng*: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao tư có chiều dài cả chuôi là 43,2cm; 01 con dao tư chiều dài cả chuôi là 42,5cm; 01 con dao quắm, chiều dài cả chuôi là 85,8cm và 01 con dao tư có chiều dài cả chuôi là 44,5cm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả, buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện khách quan các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo.

## **XÉT THẤY:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Nay các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của những người liên quan, cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng đầu tháng 01/2020, Đặng Văn H, Bàn Văn N và Đặng Thị L có hành vi hủy hoại 12.300 mét vuông (m<sup>2</sup>) rừng tự nhiên thuộc lô 01, 02 và 03, khoảnh 266B, chức năng rừng sản xuất, thuộc thôn 1 C, xã L, huyện Y, Trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đá, lá rậm, thường xanh nghèo theo bản đồ quy hoạch phân ba loại rừng theo Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang, do UBND xã Yên Lâm quản lý. Gây thiệt hại trị giá lâm sản là 37.960.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*), bị tổ công tác Hạt Kiểm lâm Hàm Yên phát hiện ngày 5/5/2020.

Hành vi của Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L đã phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 243 - Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L về hành vi “*Hủy hoại rừng*” là đúng người, đúng tội.

[3] *Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo*: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm rừng sản xuất do chính quyền xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang quản lý, gây nguy hại đến tài nguyên rừng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và là một trong những nguyên nhân gây ra hạn hán, lũ lụt. Vì vậy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp tổng số tiền theo kết quả định giá để khắc phục hậu quả; các bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự cần áp dụng để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Căn cứ vai trò, tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Bàn Văn N là người chủ động rủ bị cáo Đặng Văn H cùng đi phát rừng để trồng keo, do vậy bị cáo N phải chịu mức án cao hơn bị cáo H. Bị cáo L được chồng là bị cáo N bảo đi phát rừng để trồng keo nên đi theo và chỉ tham gia phát 02 (hai) ngày thì nghỉ không tham gia phát nữa, nên bị cáo L được hưởng mức án thấp nhất.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự; các bị cáo có đơn xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương. Do vậy để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: UBND xã Y không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nhưng các bị cáo tự nguyện nộp tổng số tiền theo kết quả định giá để khắc phục hậu quả. Do vậy cần sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo đã nộp.

[5] *Về vật chứng*: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ của Bàn Văn N 03 con dao (01 con dao tư có chiều dài cả chuôi là 43,2cm; 01 con dao tư chiều dài cả chuôi là 42,5cm và 01 con dao quắm, chiều dài cả chuôi là 85,8cm); và thu giữ của Đặng Văn H 01 con dao tư có chiều dài cả chuôi là 44,5 cm. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, các bị cáo không yêu cầu trả lại, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ của Bàn Văn N Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha BKS 22B1-335.21 (đăng ký xe mang tên Đặng Văn S, sinh năm 1987, trú tại C, Y, Y) và thu giữ của Đặng Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 22B1-335.74 (đăng ký xe mang tên ông Đặng Văn D). Ngày 28/7/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đặng Văn S và ông Đặng Văn D (là chủ sở hữu hợp pháp), nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với ông Đặng Văn S, chủ sở hữu xe mô tô BKS 22B1-335.21 và ông Đặng Văn Dậu, chủ sở hữu xe mô tô BKS 22B1-335.74 khi cho N và H mượn xe mô tô nhưng không biết N và H sử dụng xe vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 243 của Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

2. Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17; 54; 58 và 65 - Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Bàn Văn N 02 (*hai*) năm 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/9/2020).

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/9/2020).

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị L 01 (*một*) năm 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/9/2020).

Giao bị cáo Bàn Văn N, Đặng Văn H và Đặng Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao tu có chiều dài cả chuôi là 43,2cm; 01 con dao tu có chiều dài cả chuôi là 42,5cm; 01 con dao quắm, chiều dài cả chuôi là 85,8cm và 01 con dao tu có chiều dài cả chuôi là 44,5cm.

Tình trạng tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa Công an huyện Hàm Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 37.960.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) do các bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 0001095 ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

3. Áp dụng Điều 99, 231, 234 - Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện nguyên đơn dân sự, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T.Quang.
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Công an huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- Sở tư pháp tỉnh T.Quang;
- UBND xã Y;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Mạc Văn Tuyến**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Quang Luân – Tổng Xuân Quyết**

**Mạc Văn Tuyên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh T.Quang.
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Trại tạm giam T.Quang;
- Công an huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- Sở tư pháp tỉnh T.Quang;
- UBND xã Mỹ Giá;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Mạc Văn Tuyên**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Khắc Viện - Vũ Thái Thịnh**

**Mạc Văn Tuyến**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Trại tạm giam TQ;
- Công an huyện SD;
- T.H.A dân sự huyện SD;
- Sở tư pháp tỉnh TQ;
- UBND xã Hưng Thịnh;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mạc Văn Tuyền**

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;
- Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mạc Văn Tuyền**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Vượng - Ma Quốc Thể**

**Mạc Văn Tuyển**

